

PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ LIÊN BANG NGA VỚI VIỆC BẢO VỆ CÁC QUYỀN CON NGƯỜI

GS. TSKH. Lê Cẩm

Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính thời sự của việc nghiên cứu vấn đề

Trong giai đoạn xây dựng một nhà nước pháp quyền (NNPQ) *đích thực* ở Việt Nam hiện nay, khi bàn về việc bảo vệ các quyền (BVCQ) con người bằng pháp luật tố tụng hình sự (TTHS), các nghiên cứu về các quy định có liên quan đến việc BVCQ con người trong các hệ thống pháp luật TTHS của một loạt các NNPQ trên thế giới (trong đó có pháp luật TTHS của *NNPQ dân chủ Liên bang LB Nga*) để tham khảo và tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các quy định tương ứng trong pháp luật TTHS nước ta có ý nghĩa rất quan trọng trên ba bình diện chủ yếu dưới đây:

a. Về mặt lập pháp

Dự thảo Luật “*Về sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003*” hiện nay của Nhà nước ta đang được giao cho Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao chủ trì, soạn thảo nên việc nghiên cứu kinh nghiệm BVCQ con người và công dân bằng pháp luật TTHS LB Nga (là NNPQ *đích thực* mà hệ thống pháp luật quốc gia thuộc cùng một họ pháp luật châu Âu lục địa như Việt Nam) để chọn lọc và lĩnh hội những kinh nghiệm tốt, tiến bộ

và dân chủ cho việc tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các quy định tương ứng trong pháp luật TTHS nước ta là rất cần thiết. Mặc dù pháp luật TTHS thực định của nước ta đã qua hai lần pháp điển hóa (Lần thứ *nhất* với Bộ luật TTHS năm 1988 và, lần thứ *hai* với Bộ luật TTHS năm 2003), nhưng sự thật là một số quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành vẫn còn thể hiện *nhiều khiếm khuyết*, chưa phù hợp với *thực tiễn tư pháp hình sự* của đất nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ¹

b. Về mặt thực tiễn

Cho đến nay, sau bảy năm thi hành, Bộ luật TTHS năm 2003 vẫn còn nhiều quy định có liên quan đến việc BVCQ con người và công dân vẫn *chưa nhận được những giải thích thống nhất mang tính chất chỉ đạo* từ phía các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước nên ngay trong đội ngũ cán bộ thực tiễn TPHS của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng còn có *nhiều cách hiểu khác nhau - chưa nhất quán* và chính điều này là một trong những nguyên nhân chủ yếu của việc áp dụng các quy định của Bộ luật TTHS vẫn còn thiếu

¹ Xem bộ luật TTHS năm 2003 các phần: Các quy định về những nguyên tắc cơ bản của pháp luật TTHS; và Các quy phạm pháp luật về xét xử vụ án hình sự.

chính xác, dẫn đến thực trạng tùy tiện, vi phạm pháp chế, gây nên oan-sai hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho các quyền và tự do của con người và của công dân trong lĩnh vực TPHS. Về mặt này, một trong những nhà lập pháp luật gia hàng đầu của Việt Nam, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội khóa XI (2002-2007), hiện là chuyên gia cao cấp Viện Nghiên cứu Lập pháp, GS.TS Trần Ngọc Đường đã hoàn toàn có lý khi nhận xét: “*Pháp luật hiện hành về đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực tư pháp hình sự, nhất là các quy định về giam giữ, điều tra, truy tố, xét xử... chưa thực sự phù hợp với chuẩn mực quốc tế.*”²

c. Về mặt lý luận

Khoa học luật TTHS ở Việt Nam đương đại vẫn chưa có một công trình chuyên khảo đồng bộ, có hệ thống và toàn diện nào đề cập riêng đến việc nghiên cứu những vấn đề về BVCQ con người bằng pháp luật TTHS Nga.

2. Hệ thống những vấn đề cần nghiên cứu

Tất cả những điều đã được phân tích trên đây chứng minh cho sự cần thiết của việc nghiên cứu những vấn đề về BVCQ con người và công dân bằng pháp luật TTHS LB Nga. Tuy nhiên, do tính chất phức tạp, rộng lớn và nhiều khía cạnh của những vấn đề đã nêu, nên trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến một số vấn đề chung sau:

1) Các quy phạm hiến định có liên quan đến việc BVCQ con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự (TPHS) ở LB Nga; 2) Việc BVCQ con người bằng các quy định chung của pháp luật TTHS ở LB Nga; 3) Việc BVCQ con người bằng các quy định của pháp luật TTHS LB Nga trong các giai đoạn *trước khi xét xử* và; 4) Việc BVCQ con người bằng các quy định của pháp luật TTHS LB Nga trong giai đoạn *xét xử*.

II. NỘI DUNG

1. Các quy phạm hiến định có liên quan đến việc BVCQ con người trong lĩnh vực TPHS ở LB Nga

Đây chính là những căn cứ pháp lý có hiệu lực cao nhất và trực tiếp trong việc định hướng cho hoạt động của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự (THAHS). Nghiên cứu Hiến pháp LB Nga năm 1993 hiện hành (các Điều 18-19, 25, khoản 5 Điều 32, các Điều 46-55)³ cho thấy, việc BVCQ con người và công dân bằng các quy phạm hiến định mang tính *nhân đạo và nhân văn cao cả* được thể hiện qua những nội dung cơ bản và quan trọng nhất (mà sau này đã được cụ thể hóa trong Bộ luật TTHS LB Nga năm 2001 hiện hành) như sau:

a. Các quyền và tự do của con người và công dân có hiệu lực trực tiếp và quyết định tinh thần, nội dung và việc áp dụng các luật,

² Trần Ngọc Đường. *Bàn về thực trạng và nhu cầu pháp luật về bộ máy nhà nước và pháp luật về quyền con người theo Nghị quyết 48 của Bộ Chính trị*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 15, tháng 8/2010, tr.8-9.

³ Xem cụ thể hơn: *Hiến pháp Liên bang Nga* (Được thông qua trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 12/12/1993). Matxcova, 1996, tr.8-16 (tiếng Nga) và Bộ luật TTHS Liên bang Nga, NXB Pháp lý, Matxcova, 2002 (tiếng Nga).

cũng như hoạt động của quyền lập pháp, quyền hành pháp của sự tự quản ở các địa phương và được bảo vệ bằng hoạt động tư pháp.

b. Mỗi người đều bình đẳng trước pháp luật và Tòa án, được Tòa án bảo vệ các quyền và tự do của mình. Công dân LB Nga có quyền tham gia vào hoạt động tư pháp.

c. Căn cứ vào các hiệp ước quốc tế của LB Nga, mọi người đều có quyền kiện đến các cơ quan quốc tế để bảo vệ các quyền và tự do của mình nếu như không còn các phương tiện ở trong nước để bảo vệ chúng bằng pháp luật.

d. Người bị buộc tội (bị can) có quyền được xét xử vụ việc của mình bởi Tòa án có sự tham gia của các bồi thẩm đoàn trong những trường hợp do pháp luật LB quy định.

e. Người bị tạm giữ, bị can có quyền có luật sư (người bào chữa) từ thời điểm tương ứng mà mình bị tạm giữ, bị tạm giam hay bị đưa ra sự buộc tội.

g. Bị can được coi là không có tội khi tội của họ chưa được chứng minh theo trình tự do pháp luật LB quy định và chưa được khẳng định bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, bị can không có nghĩa vụ phải chứng minh sự vô tội của mình; Những sự nghi ngờ về tội của bị can phải được giải thích có lợi cho họ.

h. Không ai có thể bị kết án hai lần về cùng một tội. Trong khi thực hiện hoạt động tư pháp, không được sử dụng các chứng cứ thu thập được do sự vi phạm pháp luật của

LB. Bị cáo có quyền được Tòa án cấp trên xét lại bản án theo trình tự do pháp luật LB quy định, cũng như quyền đề nghị được ân xá và giảm nhẹ hình phạt.

i. Không một ai có thể bị buộc phải làm chứng để chống lại chính bản thân, cũng như những người ruột thịt của mình.

k. Các quyền của người bị thiệt hại do tội phạm hay sự lạm quyền gây nên được pháp luật bảo vệ: Nhà nước bảo đảm cho người bị thiệt hại khả năng tiếp cận công lý và được bồi thường thiệt hại đã xảy ra. Mỗi người có quyền được Nhà nước bồi thường thiệt hại đã xảy ra do hành vi trái pháp luật của các cơ quan quyền lực nhà nước hoặc những người có chức vụ của các cơ quan đó gây nên; v.v....

2. Việc BVCQ con người bằng các quy định chung của pháp luật TTHTS LB Nga

Việc BVCQ con người được thể hiện ở các mức độ khác nhau trên *năm* bình diện cơ bản dưới đây khi nghiên cứu chúng trong Bộ luật TTHTS Nga năm 2001 hiện hành:

a. *Thứ nhất*, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh trước hết thông qua quy định về *chức năng (mục đích, nhiệm vụ) của TTHTS* (điều 6 Bộ luật TTHTS) với nội dung cơ bản: 1) *Bảo vệ* các quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân và tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây nên; Bảo vệ cá nhân tránh khỏi sự buộc tội, sự kết án và sự hạn chế các quyền và tự do một cách trái pháp luật và vô căn cứ; 2) *Không được* truy tố hình sự những người vô tội, miễn hình phạt đối với

họ, minh oan cho những người bị truy tố hình sự một cách vô căn cứ.

b. Thứ hai, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định về các nguyên tắc của TTHS (các Điều 7-19 Bộ luật TTHS) với nội dung cơ bản: 1) Tính *pháp chế* trong quá trình tố tụng đối với vụ án hình sự; 2) Hoạt động tư pháp (xét xử) *chỉ do Tòa án* thực hiện; 3) *Tôn trọng danh dự và nhân phẩm* của cá nhân; 4) Sự bất khả xâm phạm về *nhân thân*; 5) *Bảo vệ các quyền và tự do của con người và công dân* trong TTHS; 6) Sự bất khả xâm phạm về *chỗ ở*; 7) Bảo đảm bí mật thư tín, các cuộc đàm thoại qua điện thoại và qua các hình thức khác, các trao đổi qua bưu điện, điện tín và qua các hình thức khác; 8) Suy đoán vô tội; 9) Tranh tụng của các bên; 10) Bảo đảm quyền bào chữa của người bị tình nghi và bị can; 11) Tự do đánh giá chứng cứ; 12) Tự do lựa chọn ngôn ngữ trong TTHS; 13) Bảo đảm quyền khiếu nại các hành vi và các quyết định tố tụng.

c. Thứ ba, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định về *những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự, đình chỉ vụ án hình sự và truy tố hình sự* trong một loạt các trường hợp (các Điều 24-28 Bộ luật TTHS) với các nội dung cơ bản: 1) Không được khởi tố vụ án hình sự và nếu vụ án đã được khởi tố rồi thì phải đình chỉ (như: không có sự kiện phạm tội, trong hành vi không có cấu thành tội phạm, đã hết thời hiệu truy tố hình sự, không có yêu cầu của người bị hại nếu vụ án đó chỉ

được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, v.v...); 2) Đình chỉ vụ án hình sự do các bên tự hòa giải và; 3) Đình chỉ vụ án do sự chuyển biến của tình hình; 4) Đình chỉ việc truy tố hình sự do sự ăn năn hối cải.

d. Thứ tư, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định về *các quyền của một loạt các chủ thể tham gia TTHS* với các nội dung cơ bản: 1) Các quyền của *người bị hại* (22 quyền được liệt kê tại khoản 2 Điều 42 Bộ luật TTHS); 2) Các quyền của *nguyên đơn dân sự* (20 quyền – khoản 4 Điều 44 Bộ luật TTHS); 3) Các quyền của *người bị tình nghi* (11 quyền – khoản 4 Điều 46); 4) Các quyền của *bị can* (21 quyền – khoản 4 Điều 47 Bộ luật TTHS); 5) Các quyền của *người bào chữa* (11 quyền – khoản 1 Điều 53 Bộ luật TTHS) và 07 trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa (khoản 1 Điều 52 Bộ luật TTHS); 6) Các quyền của *bị đơn dân sự người đại diện của họ* (15 quyền – khoản 2 Điều 54 Bộ luật TTHS); 6) Các quyền của *người làm chứng* (07 quyền – khoản 4 Điều 55 Bộ luật TTHS); 7) Các quyền của *người giám định* (06 quyền – khoản 3 Điều 57 Bộ luật TTHS); 8) Các quyền của *chuyên gia* (04 quyền – khoản 3 Điều 58 Bộ luật TTHS); 9) Các quyền của *người phiên dịch* (03 quyền – khoản 3 Điều 59 Bộ luật TTHS) và; 10) Các quyền của *người chứng kiến* (02 quyền – khoản 3 Điều 60 Bộ luật TTHS).

e. Và cuối cùng, thứ năm, Tư tưởng BVCQ con người và công dân được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy

định về *minh oan trong TTHS* (các điều 133-139 Bộ luật TTHS) với nội dung cơ bản: 1) Bộ luật TTHS liệt kê danh mục những người được quyền minh oan; 2) Quyền được minh oan trong TTHS bao gồm *ba* quyền: được bồi thường thiệt hại về vật chất, về tinh thần và được phục hồi các quyền; 3) Cơ quan hoặc người tiến hành tố tụng phải ra quyết định công nhận người được minh oan và gửi cho họ thông báo với sự giải thích về thủ tục bồi thường thiệt hại; 4) Thiệt hại gây nên cho công dân do kết quả của việc truy tố hình sự được Nhà nước bồi thường đầy đủ mà không phụ thuộc vào lỗi của cơ quan hoặc người tiến hành tố tụng; v.v...

3. Việc BVCQ con người bằng các quy định của pháp luật TTHS LB Nga trong các giai đoạn trước khi xét xử

Việc này được thể hiện ở các mức độ khác nhau trên *năm* bình diện cơ bản dưới đây trong Bộ luật TTHS Nga năm 2001 hiện hành:

a. Thứ nhất, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua quy định mang tính nhân đạo về các biện pháp bảo trợ trẻ em, những người mà người bị tình nghi hoặc bị can phải nuôi dưỡng và các biện pháp bảo quản tài sản của họ (Điều 160 Bộ luật TTHS).

b. Thứ hai, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua quy định về sự cần thiết *bảo đảm an ninh* cho người bị hại, người đại diện của họ, người làm chứng, những người ruột thịt, họ hàng và những

người thân khác của họ bằng việc dành cho dự thẩm viên quyền không đưa các thông tin về cá nhân của họ vào biên bản hoạt động điều tra mà các đối tượng đã nêu có tham gia (khoản 9 Điều 166 Bộ luật TTHS).

c. Thứ ba, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua quy định nhằm tránh sự tùy tiện hoặc thiếu khách quan của những người (cơ quan) tiến hành tố tụng *trong một số trường hợp cụ thể*. Khi tiến hành các hoạt động điều tra, nhất thiết phải có sự tham gia của 2 người chứng kiến để xác nhận việc tiến hành các hoạt động điều tra, quá trình và kết quả hoạt động điều tra (khoản 1 Điều 170 Bộ luật TTHS) với nội dung cơ bản: 1) Tiến hành khám nghiệm; 2) Khám nghiệm hoặc khai quật tử thi; 3) Thực nghiệm điều tra; 4) Thu giữ đồ vật và tài liệu có liên quan đến vụ án; 5) Khám người; 6) Khám xét, thu giữ và sao chụp bu r kiện, bu r phẩm bị tạm giữ và; 7) Khám xét và nghe băng đĩa ghi âm.

d. Thứ tư, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định về *hỏi cung* (các Điều 189-191 Bộ luật TTHS) với các nội dung cơ bản: 1) Khi việc hỏi cung kết thúc, luật sư có quyền khiếu nại về những vi phạm đến quyền và lợi ích của người làm chứng và điều này phải được ghi vào biên bản; 2) Trong biên bản hỏi cung phải ghi lại tất cả những gì diễn ra (như: khiếu nại của người khai báo về lý do tiến hành chụp ảnh, quay phim và/hoặc ghi hình, quay phim); 3) Yêu cầu của người bị hỏi cung về việc bổ sung và

làm rõ nội dung biên bản bắt buộc phải được đáp ứng; v.v...

e. Và cuối cùng, *thứ năm*, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định về *việc nghiên cứu hồ sơ vụ án của bị can và người bào chữa của họ* (Điều 217 Bộ luật TTHS) với các nội dung cơ bản: 1) Họ có quyền xem lại bất kỳ tài liệu nào của hồ sơ vụ án, được trích từ hồ sơ bất kỳ thông tin nào và với bất kỳ số lượng nào, được sao chụp tài liệu kể cả với sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật; 2) Họ không bị hạn chế về thời gian cần thiết để nghiên cứu hồ sơ vụ án; v.v...

4. Việc BVCQ con người bằng các quy định của pháp luật TTHS LB Nga trong giai đoạn xét xử được thể hiện ở các mức độ khác nhau *theo hướng có lợi cho bị cáo* trên sáu bình diện cơ bản dưới đây trong Bộ luật TTHS Nga năm 2001 hiện hành:

1. *Thứ nhất*, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định *khi vụ án hình sự được xét xử tại Tòa án với sự tham gia của bồi thẩm đoàn* (BTĐ) (khoản 1 Điều 339, các khoản 2-5 Điều 343, khoản 4 Điều 348 và khoản 1 Điều 349 Bộ luật TTHS) với các nội dung cơ bản: 1) Phán quyết *vô tội* do BTĐ đưa ra được coi là thông qua khi chỉ cần ít nhất là *một nửa* (6/12 người) trong BTĐ biểu quyết *phủ định* đối với bất kỳ một câu hỏi nào trong số 3 câu hỏi chính được đặt ra cho BTĐ: *Có chứng minh được là hành vi đã xảy ra hay không, có chứng minh được là hành vi đó do bị cáo thực*

hiện hay không và bị cáo *có lỗi* trong việc thực hiện hành vi đó hay *không*; 2) Các trả lời đối với những câu hỏi khác chỉ được coi là đã thông qua khi phải có *đa số* (thường từ 7/12 người trở lên) trong BTĐ biểu quyết, nhưng nếu kết quả biểu quyết bằng nhau thì chỉ cấp nhận sự trả lời nào có lợi hơn cả cho bị cáo; 3) Phán quyết *vô tội* của BTĐ là *bắt buộc* đối với chủ tọa phiên tòa và ông này phải tuyên bản án *vô tội* đối với bị cáo; 3) Phán quyết *có tội* do ĐBT đưa ra chỉ được thông qua khi có *đa số* (từ 7/12 người trở lên) trong BTĐ biểu quyết *khẳng định* đối với *từng* câu hỏi trong số 3 câu hỏi chính được đặt ra cho BTĐ, nhưng mặc dù vậy vẫn *không cản trở* chủ tọa phiên tòa tuyên bản án *vô tội* đối với bị cáo nếu nhận thấy hành vi của bị cáo không có các dấu hiệu của tội phạm; 3) Việc chỉ ra trong phán quyết *có tội* của BTĐ rằng bị cáo xứng đáng được khoan hồng thì điều đó là *bắt buộc* đối với chủ tọa phiên tòa khi quyết định hình phạt.

2. *Thứ hai*, Tư tưởng BVCQ con người và công dân được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định về *thủ tục xét xử chống án* (điểm 2 khoản 3 Điều 367 Bộ luật TTHS) với các nội dung cơ bản: Căn cứ vào kháng cáo và kháng nghị chống án khi kiểm tra tính hợp pháp, có căn cứ và công minh của bản án và quyết định của thẩm phán hòa giải; Tòa án cấp chống án có thẩm quyền ban hành quyết định về hủy bản án *kết tội* của tòa án sơ thẩm và *tuyên bị cáo vô tội* khi có một trong các căn cứ do Bộ luật

TTHS quy định (như: do vi phạm luật TTHS, hoặc áp dụng không đúng luật hình sự hoặc quyết định hình phạt không công minh).

3. *Thứ ba*, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định về *thủ tục xét xử phúc thẩm* và *thi hành án* (Điều 384 và Điều 398 Bộ luật TTHS) với các nội dung cơ bản: 1) Căn cứ vào kết quả xét xử, tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền hủy bản án *kết tội* và đình chỉ vụ án hình sự; 2) Đối với một số loại hình phạt như lao động bắt buộc, lao động cải tạo, hạn chế tự do bắt giữ hoặc tước tự do, tòa án có thể cho người bị kết án được hoãn trong một thời hạn nhất định khi có một trong những căn cứ do Bộ luật TTHS quy định: Người bị kết án bị bệnh làm cản trở việc chấp hành hình phạt được hoãn cho đến khi khỏi bệnh; Người bị kết án là phụ nữ đang có thai hoặc nuôi con nhỏ – hoãn đến khi con đủ 14 tuổi, trừ khi bị kết án tước tự do trên 5 năm đối với tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm cá nhân, v.v...

4. *Thứ tư*, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định về *thủ tục giám đốc thẩm* (các điều 402, 405 và 406 Bộ luật TTHS) với các nội dung cơ bản: 1) Không chỉ có kiểm sát viên có quyền *kháng nghị*, mà một số chủ thể tham gia tố tụng thuộc cả hai bên (bên buộc tội gồm người bị hại, người đại diện của họ; bên bào chữa gồm: người bị kết án, người được tuyên vô tội, người bào chữa hoặc người đại diện hợp pháp của họ) cũng

có quyền *kháng cáo*, đề nghị xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; 2) Khi xét lại bản án kết tội theo thủ tục giám đốc thẩm, Tòa án cấp Giám đốc thẩm không được phép làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, mà có thể giảm nhẹ hình phạt hoặc áp dụng điều luật hình sự về tội nhẹ hơn cho bị cáo; 3) Khác với ở Việt Nam (là 4 tháng), ở LB Nga việc xem xét kháng cáo hoặc kháng nghị giám đốc thẩm phải được giải quyết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kháng cáo, kháng nghị.

5. *Thứ năm*, Tư tưởng BVCQ con người được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua các quy định về *thủ tục giám tái thẩm* (Điều 413 Bộ luật TTHS) với nội dung cơ bản phân biệt rõ hai nhóm tình tiết chủ yếu có liên quan đến việc BVCQ con người và công dân là: 1) Những tình tiết mới *phát hiện* như: sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mới xác định được việc khai báo của những người hoặc kết luận giám định là gian dối hay các vật chứng, các tài liệu có liên quan đến hoạt động tố tụng trong vụ án là giả mạo dẫn đến việc quyết định bản án trái pháp luật, v.v...; 2) Những tình tiết *mới* như: Tòa án Hiến pháp LB Nga khẳng định luật được áp dụng trong vụ án đó là không phù hợp với Hiến pháp LB Nga; Tòa án Châu Âu về nhân quyền xác định là Tòa án LB Nga khi xét xử vụ án hình sự có liên quan đã vi phạm các quy định của Công ước “*Về bảo vệ các quyền con người và tự do cơ bản*” mà LB Nga là quốc gia thành viên; Việc áp dụng

luật của LB Nga không phù hợp với các quy định của Công ước đó hay những vi phạm khác đối với Công ước đó.

Thứ sáu, Tư tưởng BVCQ con người còn được các nhà làm luật Nga phản ánh thông qua nhiều quy định về *thủ tục TTHS đặc biệt* như: 1) Thủ tục tố tụng các vụ án hình sự đối với người chưa thành niên (các điều 320-432 Bộ luật TTHS); 2) Thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế mang tính chất y học (các điều 433-446 Bộ luật TTHS).

III. KẾT LUẬN

1. Việc BVCQ của con người bằng pháp luật TTHS LB Nga rõ ràng là có hiệu quả, vì cùng với việc xây dựng các căn cứ pháp lý để cụ thể hóa các quyền và tự do hiến định của công dân trong lĩnh vực TPHS là sự kết hợp mô hình TTHS *thẩm vấn* với mô hình TTHS *tranh tụng* (còn gọi là mô hình *hỗn hợp* hay mô hình *pha trộn*) và trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự ở cấp sơ thẩm vẫn có một số các quy định riêng về việc xét xử tại Tòa án với *sự tham gia của Bồi thẩm đoàn*.

2. Sự khả thi của việc BVCQ của con người bằng pháp luật TTHS Nga cũng được khẳng định rõ khi *vai trò chính và rất quan trọng của Tòa án* với tư cách là cơ quan *chủ yếu và trung tâm* trong hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng của NN PQ đích thực trong quá trình giải quyết vụ án hình sự để quyết định số phận pháp lý của người bị buộc tội. Pháp luật TTHS đất nước này trao cho Tòa án một loạt các thẩm quyền do luật định để ban

hành các quyết định cho phép tiến hành các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ *ngay cả trong các giai đoạn trước khi xét xử* vụ án hình sự (giai đoạn khởi tố vụ án hình sự và giai đoạn điều tra sơ bộ).

3. Với sự tồn tại của mô hình TTHS *hỗn hợp* như đã nêu trên (*đặc biệt là yếu tố tranh tụng*), NN PQ dân chủ LB Nga cho phép khẳng định tính nổi trội hơn cả của việc *bảo vệ thực sự* (chứ không phải chỉ là hình thức) quyền bình đẳng của các chủ thể tham gia TTHS (nói chung), cũng như *các quyền của người bị tình nghi bị can và bị cáo trong lĩnh vực TTHS* (nói riêng) và đây chính là sự thể hiện rõ nét tính ưu việt của các quốc gia là *NN PQ dân chủ đích thực* (chứ không phải là “NN PQ” chỉ được tuyên ngôn trên giấy).

4. Việc tiếp tục nghiên cứu một cách sâu sắc hơn nữa các quy định có liên quan đến việc BVCQ của con người bằng pháp luật TTHS của các NN PQ trên thế giới (đặc biệt là của NN PQ dân chủ LB Nga) để từ đó tham khảo có chọn lọc các yếu tố hợp lý và rút ra những bài học cho việc xây dựng một mô hình TTHS khả thi nhằm tăng cường việc BVCQ con người ở Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng NN PQ và công cuộc cải cách tư pháp, đặc biệt trong giai đoạn đang sửa đổi, bổ sung Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành của nước ta, chính là *nhiệm vụ quan trọng và là hướng nghiên cứu so sánh cơ bản* của khoa học luật TTHS nước nhà, cũng như của các nghiên cứu về so sánh pháp luật của các nước châu Âu ở Việt Nam.